

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Án số: 69/2019/HS-ST

Ngày 29/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.*

** Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Văn Hiễn.
2, Ông Đoàn Ngọc Sử.*

** Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Trà Giang - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 67/2019/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/HSST-QĐ ngày 15/10/2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 05/7/1949

Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 09/10.

Con ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị P (đều đã chết).

Vợ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1954

Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1977, con nhỏ sinh năm 1981.

** Nhân thân:* Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 7/10 thì nghỉ học ở nhà lao động tự do. Năm 1968 tham gia quân đội đến năm 1969 do sức khỏe yếu nên xuất ngũ về địa phương. Năm 1977 đi thanh niên xung phong đến năm 1979 xuất ngũ về địa phương. Là người bị khuyết nghe với tỷ lệ tổn thương cơ thể do khuyết tật là 81%

** Tiền án, tiền sự:* Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T:*

Ông Vũ Ngọc T, sinh ngày 10/9/1985 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình (*có mặt*).

*** Người bị hại:** Bưu điện huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh S – Chức vụ: Giám đốc.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Vũ Thị T, sinh năm 1995

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

(Ông S và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

1, Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1983 - Nguyên giám đốc bưu điện huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt*).

2, Chị Giang Thị Thúy B, sinh năm 1976 (*vắng mặt*).

Trú tại: Tổ 9, thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

3, Chị Trần Thị L, sinh năm 1989 (*vắng mặt*).

Trú tại: Thôn Phú Vinh, xã Đồng Phú, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án đối với bị cáo Phạm Văn T đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Ngày 19/6/2018, Phạm Văn T có gửi tiết kiệm số tiền 70.000.000 đồng tại Bưu điện huyện Đông Hưng với thời hạn 01 năm. Khoảng 07 giờ ngày 19/6/2019 T đến Bưu điện huyện Đông Hưng để rút tiền gửi tiết kiệm. T vào quầy huy động vốn và trả tiền tiết kiệm, do chị Vũ Thị T là nhân viên Bưu điện phụ trách. Nhiệm vụ của chị T theo sự phân công của Giám đốc Bưu điện huyện Đông Hưng là mỗi sáng trước khi làm việc chị T sẽ làm thủ tục tiếp quỹ, trong ngày sẽ có nhiệm vụ huy động vốn và chi trả tiền gửi tiết kiệm cho khách hàng, cuối ngày sau khi đối chiếu thu chi số tiền còn lại chị T sẽ bàn giao lại cho thủ quỹ, chị T phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bưu điện huyện Đông Hưng về số tiền tiếp quỹ và huy động trong ngày. Gặp chị T, T nói với chị T: “*Cho tôi rút cả gốc và lãi*” và đưa sổ tiết kiệm cho chị T kiểm tra. Sau khi kiểm tra sổ tiết kiệm trên hệ thống, chị T thông báo với T tiền gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi là 4.690.000 đồng, tổng số tiền T được nhận là 74.690.000 đồng. Lúc này chị T lấy tiền trong ngăn kéo ra đếm lấy 24.690.000 đồng (gồm 49 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng) và vào mở két lấy hai cọc tiền, mỗi cọc có 100 tờ tiền loại mệnh giá 500.000

đồng ra đếm lại bằng máy đếm tiền mỗi cọc là 50.000.000 đồng và làm biên lai giao tiền cho T với số tiền 74.690.000 đồng. Do thời điểm đó quầy đông khách nên chị T đã gộp nhằm cả hai cọc tiền này với cọc tiền 24.690.000 đồng vào rồi lấy giấy nịt cao su buộc cả ba cọc tiền tổng là 124.690.000 đồng thành một, chị T yêu cầu T ký vào biên lai nhận tiền rồi đưa số tiền trên cho T. T nhận tiền chỉ lật vài tờ tiền kiểm tra chứ không đếm lại rồi bỏ cả 03 cọc tiền vào túi quần đi xe đạp về nhà. Khi về tới nhà T lấy tiền ra kiểm đếm thì phát hiện nhân viên bưu điện trả nhầm mình 50.000.000 đồng, lúc này T nảy sinh ý định chiếm giữ số tiền trên. T đã lấy một cọc tiền 50.000.000 đồng cất dấu riêng vào trong ngăn tủ còn 2 cọc tiền 74.690.000 đồng T vẫn để trong túi quần mục đích nếu nhân viên Bưu điện huyện Đông Hưng tới tìm xin lại số tiền trả thừa thì T sẽ bỏ cọc tiền trong túi quần ra cho xem và nói mình không nhận được khoản tiền thừa nào. Hết giờ làm việc ngày 19/6/2019 chị T kiểm tra lại số tiền thu chi trong ngày thì phát hiện thiếu 50.000.000 đồng, chị T đã kiểm tra hệ thống và xem lại camera thì phát hiện đã trả thừa cho T số tiền 50.000.000 đồng. Chị T đã báo cáo anh Nguyễn Quang T là Giám đốc Bưu điện huyện Đông Hưng về việc mình trả nhầm tiền cho khách hàng Phạm Văn T. Anh T đã cử chị Giang Thị Thúy B là kiểm soát viên của Bưu điện huyện Đông Hưng và chị Trần Thị L là nhân viên Bưu điện huyện Đông Hưng cùng chị T tới nhà bị cáo T để xin lại số tiền đã trả thừa. Trước khi đi chị B có gọi điện cho chị Bùi Thị H, sinh năm 1979, trú tại xã M, huyện Đông Hưng là nhân viên Bưu điện xã M dẫn đường đến nhà T. Tới nhà T chị H đi về còn chị T, B, L vào nói chuyện với T về việc chị T là nhân viên Bưu điện trong lúc làm thủ tục tắt toán sổ tiết kiệm cho T có trả thừa 50.000.000 đồng và đề nghị T cho chị T xin lại nhưng T không thừa nhận đã nhận thừa tiền và lấy số tiền 74.690.000 đồng bỏ trong túi quần ra cho mọi người xem. Sau khi giải thích, vận động không được các chị B, T, L ra về. Ngày 22/6/2019 chị B và chị T đến nhà T cho T xem trích xuất camera ghi lại hình ảnh chị T trả thừa cho T 50.000.000 đồng nhưng T vẫn không thừa nhận mình đã nhận thừa tiền. Ngày 26/6/2019 chị T, chị B cùng anh Nguyễn Thanh S là Giám đốc Bưu điện huyện Đông Hưng (anh S nhận chức vụ Giám đốc Bưu điện huyện Đông Hưng thay anh T từ ngày 24/6/2019) đến nhà T để xin lại số tiền chị T đã trả thừa nhưng T vẫn khẳng định mình không nhận nhầm và bảo mọi người lần sau đừng đến nhà T nữa. Do đã 3 lần đến nhà T đề nghị được nhận lại số tiền 50.000.000 đồng đã trả thừa nhưng T không trả lại nên ngày 26/6/2019 chị T có đơn trình báo Công an huyện Đông Hưng.

Sáng ngày 05/7/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng triệu tập T lên làm việc T vẫn khẳng định mình không nhận thừa tiền của Bưu điện huyện

Đông Hưng. Sau khi được giải thích pháp luật đến chiều ngày 05/7/2019, T đã khai nhận mình đã nhận thừa của Bưu điện huyện Đông Hưng số tiền 50.000.000 đồng nhưng do lòng tham nên 03 lần chị T cùng nhân viên Bưu điện huyện Đông Hưng đến xin lại T đều khẳng định mình không nhận thừa và không trả lại; T đã tự nguyện giao nộp 01 cọc tiền gồm 100 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng được buộc bằng dây nịt cao su màu vàng là cọc tiền chị T đã trả nhằm cho T sáng ngày 19/6/2019 và T đã cất dấu riêng trong tủ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 70/CT-VKSĐH ngày 30/9/2019 đã truy tố, hành vi của bị cáo Phạm Văn T đủ yếu tố cấu thành tội: “*Chiếm giữ trái phép tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm b, i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt Phạm Văn T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn T đã khắc phục xong hậu quả nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Ngoài ra còn đề nghị xử lý về án phí.

Bị cáo Phạm Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

PHÂN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã mô tả. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra; báo cáo của Bru điện huyện Đông Hưng; Hình ảnh trích xuất camera an ninh được lưu giữ tại USB và người làm chứng chị Giang Thị Thúy B, Trần Thị L, anh Nguyễn Hữu H, anh Phạm Văn T, chị Bùi Thị H. Do vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn T có hành vi chiếm giữ tài sản trái phép của Bru điện huyện Đông Hưng nên sáng ngày 19/6/2019 tại Bru điện huyện Đông Hưng, trong quá trình tất toán sổ tiết kiệm cho Phạm Văn T, chị Vũ Thị T là nhân viên Bru điện đã trả thừa cho T số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Sau khi phát hiện trả thừa, chị T cùng nhân viên Bru điện huyện Đông Hưng đã đến nhà T 03 lần đề nghị được xin lại số tiền trên nhưng T đều cố tình không trả lại chị T số tiền trên; T đã chiếm giữ số tiền đó từ ngày 19/6/2019 đến ngày 05/7/2019 mới giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng.

[2.1] Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội: “*Chiếm giữ trái phép tài sản*” theo khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự.

“*Điều 176. Tội chiếm giữ trái phép tài sản*

1. *Người nào cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc dưới 10.000.000 đồng nhưng tài sản là di vật, cổ vật bị giao nhầm hoặc do mình tìm được, bắt được, sau khi chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu được nhận lại tài sản đó theo quy định của pháp luật, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.*

2. *Phạm tội chiếm giữ tài sản trị giá 200.000.000 đồng trở lên hoặc bảo vật quốc gia, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.*

[2.2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, gây tâm lý hoang mang, lo lắng và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân ở địa phương bị cáo nhận thức được việc làm vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình chiếm giữ tài sản biết tài sản đó không phải của bị cáo nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Khi xem xét, cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; là người khuyết tật nặng và có thời gian tham gia quân đội nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 50.000.000 đồng bị cáo T đã trả lại cho Bưu điện huyện Đông Hưng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội: "*Chiếm giữ trái phép tài sản*".

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm b, i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T **06 (sáu)** tháng cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn T.

Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Phạm Văn T đã hoàn trả lại số tiền 50.000.000 đồng đã chiếm giữ nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Văn Thành